

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12 /2017/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 10 tháng 4 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định về hoạt động Đo đạc, Bản đồ
và Viễn thám trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 3801/TTr-STNMT ngày 30/12/2016, kèm Báo cáo thẩm định số 534/BC-STP ngày 30/12/2016 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy định về hoạt động Đo đạc, Bản đồ và Viễn thám trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 4 năm 2017 và bãi bỏ Quyết định số 20/2008/QĐ-UBND ngày 30/6/2008 của UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh có liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

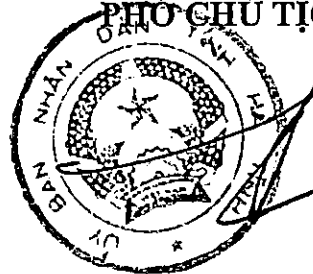
Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Trung tâm Viễn thám Quốc gia;
- TTr Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh, Phó VP.UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, NL₂.

Gửi: + Bản giấy: TP không nhận VB ĐT.

+ Điện tử: Các thành phần khác.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đặng Ngọc Sơn

Handwritten signature

QUY ĐỊNH

Về hoạt động đo đạc, bản đồ và viễn thám trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2017/QĐ-UBND ngày /4/2017 của UBND tỉnh)

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về hoạt động đo đạc, bản đồ và viễn thám thuộc phạm vi lãnh thổ tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động: đo đạc, bản đồ, viễn thám, xây dựng cơ sở dữ liệu có liên quan thông tin địa lý; việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc, bản đồ và viễn thám trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, trừ lĩnh vực quốc phòng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. Quản lý Hoạt động Viễn thám ở tỉnh là nội dung quản lý nhà nước liên quan đến dữ liệu ảnh viễn thám như: tổng hợp nhu cầu khai thác, sử dụng dữ liệu viễn thám; đề xuất việc mua, trao đổi dữ liệu viễn thám trong nước và quốc tế; quản lý, lưu trữ, bổ sung, cập nhật, công bố dữ liệu viễn thám và xây dựng cơ sở dữ liệu viễn thám cấp tỉnh.

2. Hệ thống mốc tọa độ, độ cao cơ sở chuyên dụng phủ trùm toàn tỉnh là hệ thống mốc tọa độ, độ cao do tỉnh xây dựng theo quy chuẩn Quốc gia phục vụ cho công tác đo đạc và thành lập bản đồ trên địa bàn tỉnh.

3. Hệ thống bản đồ địa hình của tỉnh là các mảnh bản đồ địa hình, trên đó có thể hiện lãnh thổ tỉnh Hà Tĩnh do Nhà nước thành lập được xây dựng theo tiêu chuẩn Quốc gia thống nhất.

4. Xuất bản bản đồ được hiểu là hoạt động in ấn, phát hành bản đồ do các Nhà xuất bản phát hành.

5. Dữ liệu số được hiểu là dữ liệu dạng vectơ, dạng ảnh, dạng PDF hoặc dạng tương tự lưu trữ được trong các thiết bị nhớ điện tử và đọc được trên máy tính.

6. Cơ sở dữ liệu GIS và viễn thám là cụm từ gọi chung cho các hệ cơ sở dữ liệu, trong đó có: thông tin địa lý; thông tin chuyên ngành, ảnh viễn thám (ít nhất có một loại) phục vụ mục đích chuyên dụng.

7. Cơ sở dữ liệu đo đạc, bản đồ và viễn thám dùng chung là một kho dữ liệu số gồm thành quả đo đạc, các loại bản đồ số, các loại ảnh hàng không, ảnh viễn thám của các cấp các ngành lưu giữ chung trong hệ thống máy tính được xây dựng, cập nhật và khai thác sử dụng chung theo quy định của UBND tỉnh.

8. Cập nhật cơ sở dữ liệu là hoạt động bổ sung, chỉnh lý làm mới dữ liệu lưu trong cơ sở dữ liệu.

9. Sản phẩm đo đạc và bản đồ là kết quả của các hoạt động đo đạc và bản đồ.

10. Bản vẽ hoàn công là bản vẽ được điều chỉnh, vẽ lại trên nền bản vẽ thiết kế đảm bảo nội dung thể hiện trên bản vẽ hoàn công phù hợp với công trình đã thi công hoặc kết quả xử lý.

11. Hạng mục dự án đo đạc, bản đồ, viễn thám và cơ sở dữ liệu GIS là một phần trong cơ cấu dự án đầu tư được phân chia theo ngành, lĩnh vực hoặc mục đích đầu tư của dự án.

Điều 4. Các hoạt động đo đạc, bản đồ và viễn thám

Các hoạt động đo đạc bản đồ và viễn thám được tổ chức thực hiện trên địa bàn tỉnh bao gồm:

1. Một số nhiệm vụ liên quan đo đạc và bản đồ về địa giới hành chính.
2. Bảo vệ, bảo trì hệ thống điểm đo đạc cơ sở quốc gia, điểm đo đạc cơ sở chuyên dụng theo thẩm quyền.

3. Các hoạt động đo đạc, bản đồ và viễn thám phục vụ riêng cho yêu cầu quản lý của các ngành, các cấp, bao gồm:

a) Thiết lập hệ thống lưới tọa độ, độ cao cơ sở chuyên dụng;
b) Thành lập hệ thống bản đồ địa chính, thành lập bản đồ hành chính cấp huyện;

c) Thành lập bản đồ địa hình, bản đồ chuyên đề phục vụ mục đích chuyên dụng;

d) Khai thác, sử dụng dữ liệu viễn thám; đặt hàng, mua, trao đổi dữ liệu viễn thám; lưu trữ, bổ sung, cập nhật, công bố dữ liệu viễn thám và cung cấp thông tin dữ liệu viễn thám;

e) Xây dựng cơ sở dữ liệu GIS và viễn thám, cơ sở dữ liệu chuyên ngành có sử dụng bản đồ, cơ sở dữ liệu đất đai; cơ sở dữ liệu đo đạc, bản đồ và viễn thám dùng chung.

g) Khảo sát địa hình, đo đạc phục vụ thiết kế, thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi.

h) Công tác cắm mốc, khoanh vùng.

i) Đo đạc phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, khiếu nại, tố cáo và hỗ trợ công tác quản lý nhà nước.

4. Một số hoạt động đo đạc, bản đồ và viễn thám chuyên ngành phục vụ riêng cho nhu cầu sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân được pháp luật quy định.

Chương II **THỐNG NHẤT VỀ CÔNG TÁC** **ĐO ĐẠC, BẢN ĐỒ VÀ VIỄN THÁM**

Điều 5. Thống nhất về cơ quan đầu mối quản lý.

Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện thống nhất quản lý hoạt động đo đạc, bản đồ và viễn thám trên địa bàn tỉnh.

Điều 6. Phân công, phân cấp nhiệm vụ trong công tác đo đạc, bản đồ và viễn thám.

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Thực hiện nhiệm vụ cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước toàn diện về đo đạc, bản đồ, viễn thám và xây dựng cơ sở dữ liệu GIS theo quy định này.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch về đo đạc bản đồ, xây dựng kế hoạch khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám, công bố siêu dữ liệu đo đạc, bản đồ và viễn thám trên địa bàn toàn tỉnh.

c) Trực tiếp quản lý: Thông tin dữ liệu đo đạc, bản đồ, viễn thám và cơ sở dữ liệu dùng chung theo phân cấp; kỹ thuật về đo đạc và bản đồ về địa giới hành chính và bản đồ hành chính; hệ thống mốc tọa độ, độ cao và công tác đo đạc, bản đồ, viễn thám, xây dựng cơ sở dữ liệu của ngành theo thẩm quyền.

d) Tham gia quản lý: Việc xây dựng cơ sở dữ liệu bản đồ GIS và viễn thám trên địa bàn tỉnh; việc khôi phục, duy tu và bảo trì hệ thống dấu mốc cơ sở quốc gia theo thẩm quyền; hoạt động xuất bản bản đồ trên địa bàn tỉnh.

e) Thẩm định kế hoạch dài hạn, trung hạn về đo đạc, bản đồ và viễn thám do các cấp, các ngành thực hiện tránh chồng chéo, lãng phí. Thẩm định các nội dung đo đạc, bản đồ, viễn thám, xây dựng cơ sở dữ liệu: Có liên quan đến lĩnh vực tài nguyên và môi trường; các nội dung có ảnh hưởng lâu dài, phạm vi rộng, ảnh hưởng lẫn nhau do các ngành các cấp thực hiện và các nội dung chuyên môn đo đạc, bản đồ, viễn thám quy định tại Văn bản này do các cấp các ngành đề xuất.

g) Trực tiếp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ:

Tổ chức xây dựng phương án giá đo đạc, bản đồ, viễn thám, xây dựng cơ sở dữ liệu trên cơ sở các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành để thống nhất áp dụng trên địa bàn toàn tỉnh.

Xây dựng hoàn thiện hệ thống mốc tọa độ, độ cao cơ sở phủ trùm toàn tỉnh.

Xây dựng, quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu đo đạc, bản đồ và viễn thám dùng chung toàn tỉnh.

Đo vẽ, thành lập bản đồ, xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành tài nguyên và môi trường theo thẩm quyền.

Đo đạc phục vụ cho công tác thanh tra, kiểm tra, khiếu nại, tố cáo và công tác quản lý nhà nước liên quan ở cấp tỉnh.

h) Chủ trì, phối hợp các cấp các ngành thanh tra, kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về đo đạc, bản đồ, viễn thám và xử lý vi phạm pháp luật về đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

i) Hàng năm báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường và UBND tỉnh về tình hình hoạt động đo đạc và bản đồ và viễn thám trên địa bàn tỉnh.

2. Các sở: Xây dựng, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Quản lý công tác đo đạc, lập bản đồ, cắm mốc, xây dựng cơ sở dữ liệu liên quan bản đồ và viễn thám theo chức năng nhiệm vụ của ngành. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và cơ quan liên quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước lĩnh vực đo đạc, bản đồ, viễn thám và xây dựng cơ sở dữ liệu GIS của ngành theo Quy định này.

3. Sở Thông tin và Truyền thông:= phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức tuyên truyền, tập huấn sử dụng, khai thác, quản lý và bảo đảm an toàn đối với cơ sở dữ liệu dùng chung trong hoạt động đo đạc, bản đồ, viễn thám; quản lý việc xuất bản và phát hành các ấn phẩm liên quan đến bản đồ trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường quản lý công nghệ xây dựng cơ sở dữ liệu GIS và viễn thám của các ngành các cấp trên địa bàn tỉnh và việc áp dụng tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm theo quy định của ngành.

5. Sở Nội Vụ tổ chức thực hiện việc đo đạc và bản đồ về địa giới hành chính và thành lập bản đồ hành chính cấp huyện. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước lĩnh vực đo đạc, bản đồ, viễn thám và xây dựng cơ sở dữ liệu địa giới hành chính theo Quy định này.

6. Sở Ngoại vụ phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong công tác quản lý Nhà nước liên quan đến Biên giới lãnh thổ Quốc gia theo quy định của pháp luật.

7. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý việc bảo tồn các giá trị văn hóa có liên quan đến lãnh thổ Quốc gia thể hiện trên bản đồ qua các thời kỳ.

8. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Đảm bảo việc thực hiện kế hoạch đầu tư công cho công tác đo đạc, bản đồ, viễn thám và cơ sở dữ liệu GIS thống nhất, tránh đầu tư chồng chéo. Ngày 15 tháng 12 hàng năm gửi thông tin các doanh nghiệp đăng ký kinh doanh hoạt động đo đạc và bản đồ về Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và cơ quan liên quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước lĩnh vực đo đạc, bản đồ, viễn thám và xây dựng cơ sở dữ liệu GIS trên địa bàn tỉnh theo Quy định này.

9. Sở Tài chính: Đảm bảo kinh phí để thực hiện kịp thời kế hoạch đầu tư công cho công tác đo đạc, bản đồ, viễn thám và cơ sở dữ liệu GIS thống nhất, tránh chồng chéo. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và cơ quan liên quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước lĩnh vực đo đạc, bản đồ, viễn thám và xây dựng cơ sở dữ liệu GIS trên địa bàn tỉnh theo Quy định này.

10. Công an tỉnh: Quản lý việc bảo vệ bí mật nhà nước. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong công tác quản lý nhà nước liên quan nhiệm vụ của ngành.

11. Thanh tra tỉnh tham gia Đoàn thanh tra của tỉnh theo yêu cầu của UBND tỉnh đối với lĩnh vực đo đạc, bản đồ, viễn thám và cơ sở dữ liệu GIS.

12. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; Ban Quản lý Mở sắt Thạch Khê Thống nhất với Sở Tài nguyên và Môi trường trong quản lý, tổ chức triển khai nhiệm vụ đo đạc, bản đồ, viễn thám và cơ sở dữ liệu GIS tránh chồng chéo, lãng phí.

13. Kho bạc Nhà nước các cấp:

Kho bạc Nhà nước các cấp (tỉnh, huyện, thành phố, thị xã) thực hiện kiểm soát thanh toán đối với các hoạt động đo đạc, bản đồ và viễn thám sử dụng nguồn Ngân sách Nhà nước (hoặc có nguồn gốc từ Ngân sách Nhà nước) theo đúng các quy định sau:

a) Đối với nguồn vốn thông báo bằng dự toán hàng năm, thực hiện theo Thông tư số 161/2012/TT-BTC ngày 02/10/2012 và Thông tư số 39/2016/TT-BTC ngày 01/3/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 161/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định chế độ kiểm soát, thanh toán các khoản chi Ngân sách Nhà nước qua Kho bạc Nhà nước.

b) Đối với nguồn vốn thông báo kế hoạch vốn chi đầu tư hàng năm, thực hiện theo Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn Ngân sách Nhà nước và Thông tư số 108/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính.

Trong trường hợp có vướng mắc, Kho bạc Nhà nước các cấp phối hợp xử lý khi nhận được văn bản phản ánh của cơ quan Tài nguyên và Môi trường.

14. Ủy ban nhân dân cấp huyện

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đo đạc, bản đồ, viễn thám, xây dựng cơ sở dữ liệu GIS thuộc địa bàn quản lý. Chịu sự quản lý nhà nước về chuyên môn của Sở Tài nguyên và Môi trường đối với lĩnh vực đo đạc, bản đồ, viễn thám, xây dựng cơ sở dữ liệu GIS theo Quy định này.

Báo cáo công tác quản lý, sử dụng, bảo vệ công trình xây dựng đo đạc (mốc tọa độ, độ cao) trên địa bàn về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15/12 hàng năm.

Tổ chức thực hiện việc đo đạc xác định diện tích đất vi phạm phục vụ mục đích của thanh tra cấp huyện.

15. Ủy ban nhân dân cấp xã: Chỉ đạo và ra quyết định quy trách nhiệm cá nhân cho công chức địa chính trong việc cập nhật bản đồ địa chính. Bổ sung vào ghi chú của Sổ địa chính về dấu mốc tọa độ, độ cao. Bảo vệ và sử dụng mốc tọa độ, độ cao trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

16. Các tổ chức cá nhân liên quan đến hoạt động đo đạc, bản đồ, viễn thám cơ sở dữ liệu GIS và các chủ đầu tư khi triển khai phải chấp hành theo quy định chuyên ngành và Quy định này.

Tổ chức được cấp Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ báo cáo tình hình hoạt động đo đạc và bản đồ của đơn vị về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15/12 hàng năm.

Quy định về báo cáo thực hiện theo Thông tư số 46/2015/TT-BTNMT ngày 30/10/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về chế độ báo cáo trong hoạt động đo đạc và bản đồ.

Điều 7. Thống nhất một số quy định về đo đạc, bản đồ và viễn thám

1. Thống nhất sử dụng chung hệ quy chiếu, tọa độ, độ cao; việc xây dựng và sử dụng hệ thống mốc tọa độ, độ cao.

a) Hệ quy chiếu và hệ tọa độ Quốc gia VN-2000.

Bản đồ tỷ lệ lớn từ 1:10.000 trở lên sử dụng múi chiếu 3⁰. Bản đồ tỷ lệ nhỏ hơn 1/10.000 hoặc bản đồ hành chính cấp tỉnh, huyện sử dụng múi chiếu 6⁰. Đối với sản phẩm của các hoạt động đo đạc, bản đồ, viễn thám quy định tại Điều 4 của Quy định này nếu chuyên ngành không có quy định riêng thì phải xây dựng theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105⁰30' để thống nhất với toàn bộ hệ thống bản đồ của tỉnh. Riêng đo vẽ trực tiếp địa hình phục vụ trắc địa công trình thì sử dụng múi chiếu 3⁰ hoặc nhỏ hơn.

Đối với việc xác định tọa độ trên biển hoặc định hướng bờ biển sử dụng hệ tọa độ địa lý nhưng có đối chiếu với tọa độ vuông góc của tỉnh để đảm bảo thống nhất vị trí trong đới bờ. Riêng đo đạc bản đồ phục vụ giao đất mặt nước từ 3 hải lý trở vào đến mép nước biển thấp nhất trung bình nhiều năm vẫn áp dụng hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3° .

b) Sử dụng độ cao theo mô hình Geoid địa phương từ ngày 01/8/2015 theo Quyết định số 841/QĐ-ĐTBĐVN ngày 24/7/2015 của Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam về cung cấp các điểm địa chính cơ sở. Đối với công trình và quy hoạch xây dựng khi sử dụng độ cao mới cần đối chiếu với độ cao thủy chuẩn hiện đang sử dụng để có quyết định chính xác đảm bảo tránh chênh cao cục bộ khi khảo sát, thiết kế thi công, xây dựng và sử dụng công trình.

Đối với công trình nhỏ ở vùng hẻo lánh, biên giới hải đảo, cách quá xa hệ thống cao độ quốc gia, khi đặc biệt quá khó khăn cho phép lấy cao độ theo bản đồ địa hình đã có hoặc kết quả đo cao GNSS gần đúng đặt làm giá trị khởi tính (1 điểm), đo tuyến khép kín thống nhất cho toàn công trình.

c) Xây dựng và bảo vệ mốc tọa độ, độ cao.

Các ngành, các cấp khi xây dựng mốc tọa độ, độ cao phải thống nhất với Sở Tài nguyên và Môi trường để hòa mạng với hệ thống mốc tọa độ cao chung toàn tỉnh, tránh chồng chéo sai lệch.

Mốc tọa độ, độ cao sau khi xây dựng xong phải bàn giao mốc bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý. Khi giao đất mà trên thửa đất có mốc phải ghi rõ các ràng buộc, các giới hạn về sử dụng diện tích đất có mốc trong phạm vi bán kính 03 m tính từ tâm mốc để chủ sử dụng đất không làm hư hại mốc.

Các đối tượng sử dụng mốc tọa độ, độ cao phải có văn bản cấp số liệu của Sở Tài nguyên và Môi trường mới được khai thác sử dụng. Trong thời gian chưa có cơ sở dữ liệu trắc địa, bản đồ và viễn thám dùng chung thì mốc tọa độ, độ cao phục vụ xây dựng do ngành xây dựng cung cấp nhưng phải ghi rõ hệ tọa độ, độ cao.

Các ngành các cấp phối hợp bảo vệ mốc tọa độ, độ cao chuyên dụng.

2. Thống nhất về hệ thống địa danh, Biên giới Quốc gia, địa giới hành chính, mép nước biển.

a) Khi thành lập bản đồ, hiện chỉnh bản đồ các thông tin địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phải căn cứ Thông tư số 24/2015/TT -BTNMT ngày 28/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường để thực hiện.

b) Biên giới lấy theo bản đồ địa hình Quốc gia mới nhất, có đối chiếu với bản đồ đường Biên giới quốc gia Việt Nam - Lào tỷ lệ 1:50.000 do Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào ký năm 2003. Dữ liệu Địa giới hành chính phục vụ xây dựng bản đồ

tỷ lệ lớn lấy theo hồ sơ địa giới hành chính 364 hoặc kết quả điều chỉnh của cấp có thẩm quyền.

c) Khi xác định đường mép nước biển phục vụ đo vẽ, thành lập bản đồ tuân thủ Quyết định số 2495/QĐ-BTNMT ngày 28/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố Danh mục các điểm có giá trị đặc trưng mực nước triều của vùng ven biển Việt Nam và ban hành Hướng dẫn kỹ thuật xác định đường mực nước triều cao trung bình nhiều năm, đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm vùng ven biển Việt Nam.

3. Thống nhất về xây dựng và sử dụng bộ dữ liệu bản đồ nền, hệ thống cơ sở dữ liệu đo đạc, bản đồ, viễn thám dùng chung và bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh.

a) Về xây dựng dữ liệu dùng chung.

Đầu năm các ngành, các cấp tổng hợp đăng ký nhu cầu xây dựng kế hoạch khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám phục vụ các nhiệm vụ hằng năm, định kỳ năm (05) năm và nhu cầu theo nhiệm vụ đột xuất gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Dữ liệu đo đạc, bản đồ, viễn thám do các sở, ban, ngành của tỉnh thu thập, xây dựng bằng kinh phí có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước; dữ liệu đo đạc bản đồ các lĩnh vực chuyên ngành khi đưa ra sử dụng có tác động hoặc ảnh hưởng đến kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng do tổ chức cá nhân xây dựng (không bị ràng buộc bởi sở hữu trí tuệ) phải được chuyển 01 bộ dữ liệu số về lưu trữ tại Sở Tài nguyên và Môi trường để tích hợp vào cơ sở dữ liệu dùng chung toàn tỉnh, bao gồm:

Hệ thống không ảnh chuyên dụng; bản đồ địa hình, bản đồ nền; bản đồ hành chính, bản đồ về biên giới quốc gia, bản đồ địa giới hành chính các cấp; các loại bản đồ hiện trạng, bản đồ quy hoạch theo ngành và lãnh thổ; các loại bản đồ chuyên đề, bản đồ chuyên ngành; át-lát địa lý, dữ liệu địa lý chuyên ngành; dữ liệu về mô hình số độ cao; dữ liệu địa danh Hà Tĩnh; dữ liệu chứa thông tin liên quan đo đạc bản đồ và viễn thám. Bản đồ thiết kế các công trình lớn và bản vẽ hoàn công dạng số các công trình xây dựng có xác định tim, tuyến gắn liền với mốc xác định các loại chỉ giới; dữ liệu bản đồ địa hình các tỉ lệ khu vực đo vẽ có diện tích từ 1.25km² trở lên; thành quả tọa độ, độ cao dạng số, ghi chú điểm, biên bản bàn giao dấu mốc tại thực địa của các điểm tọa độ và độ cao có chôn mốc cố định; kết quả đo đạc, bản đồ và viễn thám của các dự án, chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ.

Dữ liệu giao nộp vào kho dữ liệu dùng chung bao gồm: Dữ liệu hiện có, dữ liệu sẽ hình thành. Kết quả giao nộp được thể hiện tại Biên bản giao nộp dữ liệu đo đạc, bản đồ và viễn thám (kèm theo) là căn cứ để quyết toán các công trình, dự án đo đạc, bản đồ và viễn thám.

b) Về quản lý, sử dụng cơ sở dữ liệu dùng chung.

Thông tin, dữ liệu dạng số chưa đưa vào cơ sở dữ liệu lưu trên đĩa quang (CD, DVD) phải sao lưu mười hai (12) tháng một (01) lần thành hai (02) bộ dự phòng. Thời hạn bảo quản dữ liệu theo Thông tư số 46/2016/TT-BTNMT ngày 27/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu chuyên ngành tài nguyên và môi trường.

Dữ liệu số đo đạc, bản đồ, viễn thám khi sử dụng cho các dự án phải có văn bản cấp của cấp có thẩm quyền theo Quy định này. Dữ liệu đo đạc, bản đồ, viễn thám phục vụ quản lý nhà nước trong tỉnh được cấp miễn phí. Đơn vị sử dụng dữ liệu không được cung cấp cho bên thứ 3 hoặc tái sử dụng trong các chương trình, dự án.

Giá trị bản sao bản đồ trích xuất từ cơ sở dữ liệu dùng chung: Bản sao bản đồ được cơ quan có thẩm quyền cung cấp theo quy định thì nội dung trên bản sao có giá trị như nội dung trên bản chính.

Các sản phẩm bản đồ chuyên ngành, cơ sở dữ liệu địa lý chuyên ngành phải sử dụng các lớp thông tin nền của bản đồ địa hình quốc gia, cơ sở dữ liệu địa lý quốc gia được trích xuất từ cơ sở dữ liệu dùng chung hoặc do cơ quan có thẩm quyền cấp.

c) Bảo mật thông tin, dữ liệu đo đạc, bản đồ.

Toạ độ các điểm cơ sở quốc gia hạng II trở lên tạo thành mạng lưới quốc gia hoàn chỉnh kèm theo các ghi chú điểm thuộc độ tối mật chỉ được cung cấp khi có công văn đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Bản đồ địa hình dạng giấy, dạng số và cơ sở dữ liệu nền địa lý các tỷ lệ 1:2.000, 1:5.000, 1:10.000, 1:25.000, 1:50.000, 1:100.000, có diện tích liên kết lớn hơn 200 km² thuộc loại mật chỉ được cung cấp khi có công văn đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh.

Các dữ liệu mật, tối mật về đo đạc và bản đồ phải được xóa hoặc có chế độ bảo vệ trước khi đưa lên cơ sở dữ liệu dùng chung.

4. Thống nhất về thẩm định nhiệm vụ, nội dung đo đạc, bản đồ, viễn thám và cơ sở dữ liệu GIS.

Đối với các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ hoặc cơ sở dữ liệu có nội dung đo đạc, bản đồ và viễn thám sử dụng ngân sách nhà nước do các Sở, ban, ngành của tỉnh thực hiện; hoặc các dự án do các cơ quan, tổ chức cá nhân khác thực hiện có nội dung đo đạc bản đồ ảnh hưởng đến quyền lợi công dân, đến lợi ích Quốc gia, lợi ích công cộng hoặc thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này phải được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định về sự cần thiết, phạm vi, giải pháp kỹ thuật công nghệ và dữ liệu đầu vào trước khi thực hiện các bước tiếp theo. Thời gian thẩm định không quá 07 ngày làm việc.

5. Thống nhất về áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức, quy trình kinh tế kỹ thuật đo đạc bản đồ, viễn thám và cơ sở dữ liệu GIS.

Các ngành có tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức, quy trình kinh tế kỹ thuật riêng thì áp dụng các quy định của ngành đó. Những tiến bộ về kỹ thuật công nghệ về đo vẽ bản đồ và viễn thám được phép áp dụng thay thế những nội dung cũ, lạc hậu quy định trong các văn bản trên. Những chuyên ngành không có quy định riêng thì được phép áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình kinh tế kỹ thuật tương đương để lập các đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật dự toán có nội dung đo đạc, bản đồ, viễn thám và cơ sở dữ liệu GIS.

6. Thống nhất về thẩm định dữ liệu đo đạc, bản đồ, viễn thám, cơ sở dữ liệu GIS đầu cuối của công trình đưa vào sử dụng hoặc công bố.

a) Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định việc chấp hành Điều 7 Khoản 4 và tính thống nhất theo Quy định này. Cho ý kiến thẩm định việc áp dụng quy chuẩn, quy trình, quy phạm, tính hợp chuẩn, hợp quy, độ chính xác về đo đạc, bản đồ và viễn thám làm cơ sở để Chủ đầu tư kiểm tra nghiệm thu, đưa sản phẩm vào sử dụng. Trực tiếp thẩm định đồng thời dự tính kinh phí và kết quả đo đạc đối với việc xác định diện tích đất vi phạm theo thẩm quyền.

b) Các hoạt động đo đạc bản đồ và viễn thám không có quy định riêng của chuyên ngành về công tác giám sát, kiểm tra, thẩm định thì áp dụng các quy định tại Thông tư số 63/2015/TT-BTNMT ngày 21/12/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu chất lượng công trình sản phẩm đo đạc và bản đồ để thực hiện.

Chương III **ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG** **ĐO ĐẠC, BẢN ĐỒ VÀ VIỄN THÁM**

Điều 8. Thẩm định cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ

Thủ tục hành chính về cấp giấy phép, bổ sung nội dung giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ quy định chi tiết trong Bộ thủ tục hành chính về lĩnh vực tài nguyên và môi trường của tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 9. Điều kiện để tổ chức được phép hoạt động đo đạc và bản đồ và viễn thám trên địa bàn tỉnh và tính pháp lý của sản phẩm

1. Các tổ chức khi hoạt động dịch vụ đo đạc, bản đồ trên địa bàn tỉnh có nội dung quy định tại Điều 10 Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ thì phải có giấy phép do Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam cấp đang còn hiệu lực và phù hợp với nội dung giấy phép được cấp. Sản phẩm của các hoạt động đo đạc bản đồ trái pháp luật sẽ không có giá trị pháp lý.

Trường hợp không thẩm định được năng lực chuyên môn, Chủ đầu tư gửi hồ sơ về Sở Tài nguyên và Môi trường để được thẩm định.

2. Các tổ chức, cá nhân khi hoạt động dịch vụ đo đạc, bản đồ, viễn thám và xây dựng cơ sở dữ liệu GIS phải chấp hành thống nhất theo Quy định này.

Chương IV

MỘT SỐ QUY ĐỊNH CHI TIẾT

VỀ HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Điều 10. Quy định đo đạc, bản đồ về địa giới hành chính và xác định mép nước biển.

1. Đối với các hoạt động đo đạc bản đồ và viễn thám bắt đầu triển khai áp dụng Thông tư số 48/2014/TT-BTNMT ngày 22/8/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về xác định đường địa giới hành chính, cắm mốc địa giới và lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp. Khi thực hiện đo vẽ lập hồ sơ địa giới hành chính phải sử dụng bản đồ địa chính mới nhất (nếu có) và các thông tin liên quan (xâm canh, xâm cư, tranh chấp) để xây dựng bản đồ tuyên và các hồ sơ liên quan.

2. Đường mép nước biển chi tiết đo, vẽ theo hiện trạng và ghép nối đảm bảo phù hợp với công bố của Bộ Tài nguyên và Môi trường về danh mục các điểm có giá trị đặc trưng mực nước triều của vùng ven biển Việt nam.

Điều 11. Thành lập, xuất bản bản đồ hành chính.

1. Khi đơn vị hành chính thể hiện trên bản đồ hành chính có quyết định sáp nhập hoặc chia tách của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc đơn vị hành chính chưa có bản đồ hành chính thì Sở Nội vụ tổ chức thành lập bản đồ hành cấp tỉnh, UBND cấp huyện tổ chức thành lập mới bản đồ hành chính cấp huyện.

2. Theo chu kỳ 5 năm hoặc thực tế có sự biến động về nội dung từ 25% trở lên thì Sở Nội vụ, cấp huyện theo thẩm quyền thực hiện tái bản bản đồ hành chính có hiện chỉnh.

Điều 12. Một số quy định chi tiết về đo đạc bản đồ địa chính

1. Các loại hình đo vẽ bản đồ địa chính.

a) Đo vẽ bản đồ địa chính theo đơn vị hành chính xã.

Bản đồ địa chính được thành lập qua hai giai đoạn:

Giai đoạn 1: Đo vẽ theo hiện trạng sử dụng đất (trên bản đồ có ghi rõ mục đích) và in ra 01 bộ, sản phẩm bản đồ gốc chỉ lưu trữ tại Văn phòng đăng ký đất đai.

Giai đoạn 2: Sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tiến hành chỉnh lý bản đồ phù hợp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hồ sơ địa chính liên quan và nhân bản phục vụ cho việc quản lý đất đai ở 3 cấp.

Khi thành lập bản đồ có nhiều tỷ lệ, ngoài quy định chung cho phép vẽ gộp lên một tỷ lệ để tiện sử dụng (phải ghi chú giải thích nội dung vẽ gộp lên tờ bản đồ). Diện tích đo vẽ bản đồ lấy theo thực tế thi công (với điều kiện đo đúng đường bao khu vực đo vẽ đã thiết kế).

b) Trích đo địa chính thửa đất: là việc đo đạc địa chính riêng đối với thửa đất tại nơi chưa có bản đồ địa chính hoặc nơi có bản đồ địa chính nhưng riêng thửa đất chưa đo đạc xác định tọa độ hoặc khu vực đặc thù tại khoản 2 điều này.

c) Việc đo vẽ bổ sung, đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính thực hiện theo Điều 17 Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bản đồ địa chính.

2. Điều kiện để đo vẽ mới bản đồ địa chính: Khu vực đã có bản đồ địa chính nhưng biến động hình thể không thể xét đoán để chỉnh lý; khu vực không thể chỉnh lý đạt độ chính xác theo yêu cầu; khu vực đặc biệt quá khó khăn do yếu tố xã hội trong xác định ranh giới thửa; khu vực cần độ chính xác cao hơn phải điều chỉnh tỷ lệ thì được phép trích đo hoặc đo vẽ lại bản đồ địa chính.

3. Về tính diện tích tự nhiên: Trường hợp diện tích đo vẽ bản đồ địa chính lớn hơn 50% diện tích tự nhiên nhưng chuyển tiếp sang xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính hoặc đang tiếp tục đo vẽ đất lâm nghiệp theo dự án khác thì chưa phải lập bản đồ tổng toàn xã.

4. Các thửa đất trên bản đồ địa chính thể hiện theo hiện trạng tại thời điểm đo vẽ, bao gồm: diện tích pháp lý, diện tích bị lấn, bị chiếm, bị tái lấn, tái chiếm, sử dụng sai mục đích, diện tích xác định theo kết quả xử lý của tòa án, diện tích do khai hoang, diện tích chi tiết trong các khu dự án chung cư ...vv. Các thông tin trên bản đồ là cơ sở để quản lý đất đai theo quy định của pháp luật.

5. Đối tượng quy hoạch, hành lang an toàn chỉ thể hiện trong trường hợp đã cắm mốc giới trên thực địa. Trường hợp có đầy đủ tài liệu có giá trị pháp lý đảm bảo độ chính xác vị trí điểm chi tiết được phép thể hiện lên bản đồ nhưng phải ghi chú rõ lên bản đồ căn cứ thể hiện (năm hình thành và văn bản). Khu quy hoạch không ghi loại đất lên bản đồ.

6. Đối với công trình đo đạc bản đồ gắn với công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất kéo dài nhiều năm thì việc hoàn thiện, tu chỉnh hồ sơ được phép xác định thời điểm thực hiện thích hợp trong thời gian thi công và lựa chọn loại tài liệu tối ưu, tin cậy nhất để giao nộp, lưu trữ nhưng phải đảm bảo tính lôgic, tính hợp lý của quy trình thực hiện và đảm bảo không ảnh hưởng đến thời điểm hình thành các thửa đất, ảnh hưởng đến quyền sử dụng đất của chủ sử dụng đất và không xâm phạm, ảnh hưởng đến lợi ích Quốc gia, lợi ích công cộng.

7. Cập nhật, chỉnh lý thường xuyên lên bản đồ địa chính.

a) Thời điểm chỉnh lý bản đồ địa chính.

Trước khi trao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chủ sử dụng phải cập nhật thông tin vào bản đồ địa chính.

Trường hợp người sử dụng đất không có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận hoặc đăng ký đất được giao quản lý: Sau khi xác nhận thay đổi vào Giấy chứng nhận đã

cấp hoặc hoàn thành việc kiểm tra hồ sơ đăng ký thì trong 3 ngày làm việc tiếp theo phải chỉnh lý lên bản đồ địa chính.

Trường hợp giao đất thì sau 5 ngày làm việc kể từ ngày bàn giao đất trên thực địa phải chỉnh lý thông tin thửa đất lên bản đồ địa chính.

Các chủ thể thực hiện chỉnh lý các thửa đất liền kề nhau phải thống nhất để tránh chồng chéo, sai lệch thửa đất liên quan.

Trong quản lý thường xuyên các cơ quan quản lý Nhà nước về đất đai các cấp căn cứ quy định của Nhà nước chịu trách nhiệm tham mưu, xử lý kịp thời các sai sót chưa được phát hiện trong quá trình đo vẽ, cấp giấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

b) Cơ sở để quyết định thực hiện chỉnh lý bản đồ địa chính áp dụng theo Điểm 1.2 Khoản 1 Điều 17 Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

8. Áp dụng kỹ thuật công nghệ mới trong đo đạc bản đồ địa chính: Đối với các thiết kế kỹ thuật dự toán đang triển khai, trong quá trình thi công Chủ đầu tư được phép điều chỉnh kỹ thuật, công nghệ mới theo hướng tối ưu và tiết kiệm hơn để đạt đúng mục tiêu, yêu cầu thiết kế nhưng không được phát sinh kinh phí.

Điều 13. Quy định về đo đạc, lập bản đồ phục vụ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; bồi thường giải phóng mặt bằng; đo đạc giải quyết tranh chấp đất đai; đo đạc đất vi phạm.

1. Công tác đo đạc, lập bản đồ phục vụ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; bồi thường giải phóng mặt bằng được lồng ghép, trong đó vừa thể hiện: ranh giới khu đất sẽ thực hiện giao đất, cho thuê đất hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất; đối tượng thửa đất, nhà cửa, rừng cây, mỏ mỏ, công trình...vv.. liên quan để phục vụ mục đích sử dụng bản đồ. Công tác đo đạc giải quyết tranh chấp đất đai; đo đạc đất vi phạm thực hiện theo yêu cầu. Một số quy định cụ thể như sau:

a) Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định điều kiện để quyết định loại hình đo vẽ.

b) Tên loại bản đồ: Ghi làm 2 dòng, dòng trên ghi “Bản đồ địa chính khu đất”, dòng dưới ghi nội dung phục vụ mục đích sử dụng bản đồ.

c) Nội dung bản đồ phải in màu; theo mục đích đo vẽ, trên bản đồ thể hiện một số loại: diện tích sử dụng theo hiện trạng; diện tích sử dụng pháp lý; diện tích sẽ giao đất, cho thuê đất; diện tích sẽ cấp giấy, diện tích sẽ bồi thường; phạm vi đất bị lấn, bị chiếm, tái lấn, tái chiếm; diện tích đất sử dụng sai mục đích; diện tích sử dụng trái pháp luật; đất khai hoang, đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất qua các thời kỳ, quy hoạch theo thời kỳ..vv.

Ranh giới, loại đất và trạng thái theo hiện trạng quan sát tại thời điểm đo vẽ do đơn vị đo đạc xác định. Việc xác định ranh giới, tên chủ sử dụng, loại đất, nguồn gốc sử dụng đất lên bản đồ và hồ sơ kèm theo do tổ chức có chức năng thực hiện Bồi thường giải phóng mặt bằng và Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ quy định hiện hành xác định và chịu trách nhiệm.

d) Đối với khu vực đã có bản đồ địa chính phù hợp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì đo chuyên vẽ ranh giới giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, phạm vi bồi thường giải phóng mặt bằng cho các thửa đất (đo chỉnh lý cho các thửa biến động).

e) Đối với khu vực có bản đồ chưa phù hợp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thực hiện đo chỉnh lý, điều tra bổ sung thông tin theo từng thửa đất. Riêng khu vực khó khăn do xác định nguồn gốc và ranh giới thửa khó khăn, khu vực cần độ chính xác cao hơn, khu vực hình tuyến nhưng có quy mô dưới 1,5 ha thì đo bản đồ tính theo diện tích.

2. Phạm vi đo vẽ: Đo vẽ trọn thửa, đối với thửa vượt diện tích mảnh bản đồ trích đo thì thu nhỏ hình vẽ và xác định tọa độ. Khu vực có nhiều tỷ lệ đo vẽ chưa đủ cơ sở tiếp biên xử lý thì được phép đo vẽ chòm và chuyển vẽ phạm vi chòm hồ để làm cơ sở để quản lý và xử lý. Các thông tin liên quan phải phù hợp với tờ bản đồ địa chính tại khu vực đó.

3. Bộ cục các tờ bản đồ trích đo, đo vẽ bổ sung, đo đạc chỉnh lý, đo phục vụ các mục đích liên quan ngoài quy định chuyên ngành được phép bổ sung thêm khung ghi ý kiến thẩm định, bảng ghi chú, bảng công nhận của các đối tượng liên quan để giảm thiểu giấy tờ kèm theo và tối ưu hóa các thủ tục hành chính. Trường hợp đặc biệt cho phép sử dụng văn bản viện dẫn. Số hiệu của mảnh trích đo địa chính theo xã do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại cấp huyện theo dõi và cung cấp theo quy định.

Tổng hợp số liệu các loại đất theo hiện trạng do cơ quan đo đạc chịu trách nhiệm. Tổng hợp số liệu các loại đất không theo hiện trạng theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này do tổ chức có chức năng thực hiện Bồi thường giải phóng mặt bằng và Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm.

4. Sau khi hoàn thành công tác bồi thường giải phóng mặt bằng phải hoàn công bản đồ theo kết quả thực hiện, trong đó có thể hiện phần diện tích còn lại của thửa đất (nếu có). Bản đồ do cơ quan biên tập lại và cơ quan thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng ký xác nhận. Đối với công trình xây dựng hình tuyến sau khi thi công nếu có hành lang bảo vệ thì phải lập lại bản vẽ hoàn công cắm mốc.

5. Thẩm quyền thẩm định, kiểm tra nghiệm thu, phê duyệt bản đồ tuân thủ quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định phê duyệt các loại bản đồ theo thẩm quyền và chịu trách nhiệm về tính hợp chuẩn, hợp quy của bản đồ.

Điều 14. Quy định về đo đạc cắm mốc, xác định ranh giới; đo chuyên quy hoạch, thiết kế ra thực địa; phục hồi mốc, ranh giới trên thực địa.

1. Cắm mốc, xác định ranh giới; chuyên quy hoạch, thiết kế ra thực địa.

a) Về mối liên quan với các hồ sơ và công trình đã có trên đất.

Việc cắm mốc, xác định ranh giới, chuyên quy hoạch ra thực địa; phục hồi mốc, ranh giới phải tham chiếu hoặc sử dụng bản đồ địa hình tỷ lệ 1/10.000 và hệ thống bản đồ địa chính hiện có của tỉnh để hạn chế sai sót, mâu thuẫn về tọa độ, độ cao và quản lý đất đai.

Khi có nhiều hệ thống mốc thuộc các lĩnh vực khác nhau trên cùng một khu vực thì phải tận dụng tối đa các mốc đã có để tránh nhầm lẫn, rối, khó nhận biết, lãng phí và thiếu hiệu quả.

b) Về áp dụng quy định chuyên môn.

Cắm mốc trên đất phải theo quy định chuyên ngành. Trường hợp không có quy định chuyên ngành thì: việc xây dựng mốc theo quy chuẩn ngành xây dựng, việc đo đạc mốc theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc áp dụng tiêu chí hỗn hợp nhưng phải đảm bảo khoa học và tiết kiệm. Khi thiết kế Hệ thống mốc giới phải có đối chiếu với các bản đồ hoàn công các công trình cắm mốc liên quan tại khu vực đó thông qua các tài liệu lưu trữ dùng chung ở Sở Tài nguyên và Môi trường.

Độ chính xác đo đạc mốc, xác định ranh giới thực hiện theo quy định chuyên ngành, trường hợp không có quy định chuyên ngành khi xác định độ chính xác phải chú trọng một số yêu cầu sau: Đối với các mốc và đường ranh giới liên quan đến sử dụng đất độ chính xác mặt bằng phải đạt độ chính xác tương đương vị trí điểm chi tiết thửa đất. Đối với mốc để quan sát, phân vùng, phân định mang tính chất ước lệ của những vùng chuyển tiếp mềm (khu vực cấm, địa điểm cấm, khu vực bảo vệ, biển báo phân vùng khí hậu...) độ chính xác mặt bằng không quá 03m. Về độ cao xác định độ chính xác phải đảm bảo tính toàn cục, mặt bằng tổng quan khu vực để đảm bảo thống nhất và phù hợp, đặc biệt là các mốc liên quan đến san lấp, đào đắp, cột thủy văn, dòng chảy, ngập lụt vv...

Sau khi cắm mốc phải lập bản đồ hoàn công cắm mốc và xác định ranh giới.

c) Hệ thống các mốc đã cắm phải bàn giao cho UBND cấp xã quản lý, hồ sơ dữ liệu dùng chung bàn giao theo Quy định này.

2. Phục hồi mốc, ranh giới trên thực địa.

Việc phục hồi mốc, ranh giới trên thực địa phải sử dụng đúng công nghệ như công nghệ đã cắm mốc hoặc sử dụng công nghệ khác nhưng phải đảm bảo độ chính xác như độ chính xác của mốc đã cắm trước đây. Khi phục hồi mốc, ranh giới phải lập bản đồ hoàn công do cơ quan đo đạc, cơ quan yêu cầu, cơ quan kiểm tra thẩm định và các bên liên quan (do cơ quan yêu cầu chỉ định) ký xác nhận.

Điều 15. Quy định về khảo sát địa hình, đo đạc công trình

Việc đo đạc trực tiếp bản đồ địa hình tỷ lệ 1:200, 1:500, 1:1.000, 1:2.000, 1:5.000 hoặc đo đạc công trình áp dụng trực tiếp văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn, quy phạm mới nhất của chuyên ngành đó. Trường hợp không có quy định chuyên ngành thì áp dụng Thông tư số 68/2015/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định kỹ thuật đo đạc trực tiếp địa hình phục vụ thành lập bản đồ địa hình và cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1:500, 1:1.000, 1:2.000, 1:5.000 và các quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường để thực hiện.

Đối với khu vực đã có bản đồ địa hình số cùng tỷ lệ thì được phép kế thừa bản đồ đã có đồng thời đo vẽ bổ sung, đo bù, chỉnh lý để hoàn thiện thành bản đồ địa hình phục vụ mục đích chuyên dụng. Trường hợp một số khu vực đã có bản đồ địa hình (có cùng độ chính xác và yêu cầu thể hiện theo quy định) thì khuyến khích ghép các khu vực lại với nhau.

Cho phép sử dụng bản đồ địa hình đã có để đo vẽ hiện chỉnh, vẽ địa vật được phép lồng ghép các bản đồ chuyên ngành khác có cùng hoặc tỷ lệ lớn hơn để hoàn thiện bản đồ địa hình.

Đo đạc công trình thực hiện theo quy định chuyên ngành.

Điều 16. Quy định về đo đạc thành lập các loại bản đồ chuyên ngành khác; bản đồ chuyên đề, tập bản đồ chuyên đề, xuất bản bản đồ và sử dụng bản đồ

1. Các nội dung chuyên đề, chuyên ngành mới trường hợp trùng với đối tượng dữ liệu nền thì cập nhật thay thế đối tượng nền đó. Đối tượng cũ chuyển sang lớp dữ liệu khác.

2. Công tác đo đạc từ 03 hải lý trở ra tính từ đường mép nước biển thấp nhất tính trung bình nhiều năm thực hiện theo quy định của pháp luật về biển, phần mặt nước ven biển áp dụng quy định đo đạc bản đồ theo Quy định này. Yếu tố chuyên ngành, chuyên đề mới cập nhật phải đảm bảo thống nhất, độ tin cậy cao hơn yếu tố nền; hệ thống ký hiệu mới phải xử lý phù hợp tránh mâu thuẫn với hệ thống ký hiệu bản đồ nền (nếu có).

3. Trên các loại bản đồ chuyên ngành, chuyên đề, các bản mô phỏng, bản sao phải thể hiện rõ, đúng, chính xác đường địa giới hành chính, Biên giới Quốc gia và chủ quyền về lãnh hải, bao gồm chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa. Nghiêm cấm phát hành, treo tường, sử dụng hình ảnh bản đồ Việt nam nhưng không thể hiện hoặc thể hiện không đúng chủ quyền Quốc gia.

4. Xuất bản bản đồ.

Việc xuất bản sản phẩm bản đồ là tài liệu không kinh doanh mà không thực hiện qua nhà xuất bản phải xin cấp giấy phép xuất bản.

Khi đăng ký kế hoạch xuất bản, nhà xuất bản phải ghi rõ tên và tỉ lệ bản, lưới chiếu bản đồ, hệ toạ độ, hệ độ cao, thời gian thành lập bản đồ, tài liệu chính dùng để thành lập bản đồ.

5. Các loại bản đồ phục vụ nhiệm vụ chuyên môn trường hợp thể hiện những nội dung mang tính chất bí mật, tối mật thì phải ghi lưu hành nội bộ và không phổ biến. Trường hợp đặc biệt thì phải xóa nội dung bảo mật đó trước khi sử dụng bản đồ.

Điều 17. Quy định về xây dựng cơ sở dữ liệu GIS chuyên ngành

1. Hệ thống bản đồ số, ảnh số phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu phải có tỷ lệ lớn nhất (trường hợp ảnh phải có độ phân giải cao nhất), mới nhất theo hệ toạ độ VN 2000, kinh tuyến trục $105^{\circ}30'$, khuyến khích sử dụng múi 3° để dễ cập nhật.

2. Dữ liệu bản đồ nền phải phù hợp Quy định này để đảm bảo thống nhất. Các thông tin mô tả các lớp bản đồ phải ghi rõ nguồn gốc như: thời gian, độ chính xác, văn bản hình thành.

3. Cơ sở dữ liệu phải có tính mới, tính mở, tính động, tính thống nhất, tính tiện lợi; độ tương thích cao, dễ kết nối để cập nhật, khai thác bản đồ và thông tin chuyên ngành, liên ngành đồng thời được phân quyền để bảo mật theo quy định.

Cơ sở dữ liệu các ngành phải kết nối thống nhất theo chuẩn chung với hệ thống GIS của tỉnh và có khả năng truy vấn không gian đa lớp, đa ngành. Cấu trúc, mô hình, các trường dữ liệu chuyên ngành phát triển trên cơ sở chuẩn thông tin địa lý cơ sở, địa chính để tránh chồng chéo khi truy xuất và sử dụng dữ liệu. Cơ sở dữ liệu GIS chuyên ngành thiết kế phải hạn chế đến mức thấp nhất thay đổi thuộc tính dữ liệu không gian nền địa lý của tỉnh.

Dữ liệu ảnh viễn thám, ảnh hàng không phải lưu trữ theo thời kỳ. Đối với các loại ảnh quan trọng dạng giấy khi cần thiết phải phục chế.

Các cơ sở dữ liệu GIS các ngành, lĩnh vực, khu vực phải trao đổi được thông tin các bản đồ mới nhất, dữ liệu thuộc tính mới nhất đảm bảo được tính thời sự của dữ liệu.

Chương V

MỘT SỐ QUY ĐỊNH CHI TIẾT TRONG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH CHUYÊN NGÀNH; THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 18. Công tác lập, thẩm định, phê duyệt dự án, hoặc dự án có nội dung đo đạc, bản đồ, viễn thám và cơ sở dữ liệu GIS

1. Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án có nội dung đo đạc, bản đồ, viễn thám và cơ sở dữ liệu GIS tuân thủ Khoản 2, Khoản 3 Điều 30 Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công. Việc thẩm định nội bộ do Chủ đầu tư thực hiện.

2. Quản lý dự án, thiết kế dự án, nội dung và tổng mức đầu tư dự án, nội dung và xác định dự toán dự án thực hiện theo các Điều: 45, 46, 47, 48 Nghị định số 136/2015/NĐ-CP.

3. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt: Thực hiện theo Khoản 2 và Khoản 3 Điều 49 Nghị định số 136/2015/ NĐ-CP. Cơ quan có thẩm quyền chỉ thẩm định, phê duyệt nội dung đo đạc, bản đồ, viễn thám và cơ sở dữ liệu GIS sau khi có ý kiến chấp thuận của Sở Tài nguyên và Môi trường theo Quy định này.

4. Nội dung thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán dự án tuân thủ Điều 51 Nghị định số 136/2015/ NĐ-CP.

5. Đối với các dự án có nguồn vốn đầu tư không thuộc: Ngân sách nhà nước hoặc nguồn xã hội hóa thì về mặt tài chính do Chủ đầu tư thẩm định, phê duyệt.

Điều 19. Giám sát, kiểm tra, thẩm định chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc, bản đồ, viễn thám và cơ sở dữ liệu GIS

1. Chủ đầu tư được phép: phân công đoạn kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu phù hợp quy trình công nghệ và năm tài chính; trong các công đoạn được quyền để lại những tồn tại để khắc phục trong công đoạn sau của công trình; chuyển từ kiểm tra công đoạn sang kiểm tra đầu cuối sản phẩm và ngược lại nhưng phải đảm bảo chất lượng sản phẩm.

Khi dự án đang thực hiện có thay đổi do chủ trương chính sách và quy định mới của nhà nước, trường hợp phải áp dụng điều kiện chuyển tiếp thì chủ đầu tư được lựa chọn giải pháp kỹ thuật phù hợp để đạt đúng mục tiêu nhưng không được ảnh hưởng đến lợi ích chính đáng của tổ chức cá nhân, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng.

Biên bản nghiệm thu bàn giao hạng mục dự án, Dự án thành phần hoặc toàn bộ dự án là căn cứ để chủ đầu tư đưa dự án vào khai thác sử dụng và quyết toán vốn đầu tư.

2. Công tác kiểm tra, thẩm định nghiệm thu thực hiện theo Quy định này và quy định chuyên ngành. Trường hợp không có quy định chuyên ngành thì áp dụng Thông tư số 63/2015/TT-BTNMT ngày 21/12/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ và các quy định kiểm tra, thẩm định công nghệ thông tin của cấp có thẩm quyền.

3. Về trách nhiệm của đơn vị thi công, tổ chức cá nhân thực hiện kiểm tra, chủ đầu tư tuân thủ quy định chuyên ngành và Thông tư số 63/2015/TT-BTNMT ngày 21/12/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Đơn vị tư vấn kiểm tra hoặc cá nhân thực hiện kiểm tra chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ đầu tư về chất lượng sản phẩm.

Điều 20. Thanh tra, kiểm tra; giải quyết khiếu nại, tố cáo; xử lý vi phạm trong công tác đo đạc, bản đồ và viễn thám

Việc thanh tra, xử phạt vi phạm hành chính thực hiện theo Nghị định số 173/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ và các quy định của các ngành, lĩnh vực liên quan.

Thanh tra các cấp, thanh tra ngành hoặc Phòng Đo đạc bản đồ và Viễn thám của Sở Tài nguyên và Môi trường khi phát hiện có vi phạm về hoạt động đo đạc và bản đồ thì đề nghị Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam thu hồi giấy phép.

Định kỳ tháng 6 hàng năm, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với ngành liên quan trực tiếp kiểm tra việc chấp hành pháp luật về đo đạc bản đồ, viễn thám và xây dựng cơ sở dữ liệu GIS tại các cấp, các ngành trong tỉnh. Thành phần tham gia kiểm tra giao Sở Tài nguyên và Môi trường quyết định. Kết quả kiểm tra báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Những dự án và công việc có nội dung đo đạc, bản đồ, viễn thám và cơ sở dữ liệu GIS trên địa bàn tỉnh có nội dung đầu tư trái với kết quả thẩm định nhiệm vụ, nội dung đo đạc, bản đồ, viễn thám của Sở Tài nguyên và Môi trường, hoặc trái với Quy định này, hoặc gây lãng phí, thất thoát, gây tác động xấu đến lợi ích Quốc gia, lợi ích công cộng, lợi ích chính đáng của công dân sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Các hoạt động thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm trong công tác đo đạc, bản đồ, viễn thám và cơ sở dữ liệu GIS thực hiện theo quy định hiện hành.

Chương VI
NGUỒN LỰC PHỤC VỤ CÔNG TÁC ĐO ĐẠC
BẢN ĐỒ, VIỄN THÁM VÀ CƠ SỞ DỮ LIỆU GIS

Điều 21. Kinh phí thực hiện và phương thức cung ứng dịch vụ công đo đạc, bản đồ, viễn thám và xây dựng cơ sở dữ liệu GIS

1. Kinh phí thực hiện.

a) Kinh phí đầu tư cho việc đo đạc, bản đồ, viễn thám và xây dựng cơ sở dữ liệu GIS theo quy định hiện hành, Chủ đầu tư không được yêu cầu tư vấn bỏ vốn trước để thực hiện khi khi chương trình, dự án chưa được quyết định chủ trương đầu tư, chưa được phê duyệt hoặc chưa được bố trí vốn kế hoạch.

b) Kinh phí hoạt động đo đạc, bản đồ, viễn thám và xây dựng cơ sở dữ liệu GIS phục vụ cho nhu cầu sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân do tổ chức, cá nhân tự bảo đảm.

c) Kinh phí đo đạc xác định diện tích đất vi phạm được tạm ứng từ ngân sách nhà nước và do người sử dụng đất vi phạm hoàn trả lại ngân sách sau khi xử lý.

d) Việc quyết định đầu tư đo đạc, bản đồ và viễn thám, mua dữ liệu viễn thám phải căn cứ vào thẩm định nhiệm vụ, nội dung đo đạc, bản đồ, viễn thám của Sở Tài nguyên và Môi trường.

2. Phương thức cung ứng sản phẩm, dịch vụ công đo đạc, bản đồ, viễn thám và xây dựng cơ sở dữ liệu GIS thực hiện theo quy định hiện hành.

Chương VII **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 22. Điều khoản thi hành

1. Các văn bản được dẫn chiếu tại Quy định này trường hợp có sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản được sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

2. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có khó khăn vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để nghiên cứu, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét bổ sung, sửa đổi cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Ngọc Sơn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
BÀN GIAO DỮ LIỆU
ĐO ĐẠC, BẢN ĐỒ VÀ VIỄN THÁM
(Phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung)

Căn cứ Quyết định sốngày.....của UBND tỉnh Hà Tĩnh về ban hành Quy định về hoạt động Đo đạc, Bản đồ và Viễn thám trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;

Căn cứ kết quả thực hiện đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật,....

Hôm nay, ngày tháng năm

Tại: Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Tĩnh

Chúng tôi gồm:

BÊN GIAO: (Tên đơn vị giao tài liệu).

Đại diện là Ông (Bà):.....Chức vụ:.....

BÊN NHẬN: (Tên đơn vị nhận tài liệu).

Đại diện là Ông (Bà):.....Chức vụ:.....

Thực hiện việc giao - nhận thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ của dự án (công trình)....., bao gồm các tài liệu sau:

TT	Danh mục tư liệu	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú

Biên bản này là cơ sở để chuyển tiền hạng mục: (đo đạc, bản đồ, cắm mốc, viễn thám và cơ sở dữ liệu GIS) tại Kho bạc Nhà nước.

Biên bản này được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 2 bản, có giá trị như nhau./.

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO

(Ký tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN

(Ký tên, đóng dấu)